

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH NANO G8**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH NANO G8

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NANO G8 PRODUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NANOG8. , JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109580567

**3. Ngày thành lập:** 03/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 3, Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 091 2240827

Fax:

Email: [sonnanog8@gmail.com](mailto:sonnanog8@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                      | 4659        |
| 2.  | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                       | 2022(Chính) |
| 3.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                               | 2023        |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                               | 2029        |
| 5.  | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                             | 2011        |
| 6.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                        | 3700        |
| 7.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                       | 3811        |
| 8.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                             | 3812        |
| 9.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 10. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                           | 4912        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321        |
| 12. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                        | 4211        |
| 13. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                         | 4212        |
| 14. | Tái chế phế liệu                                                                                     | 3830        |
| 15. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                   | 3822        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                       | 4329        |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                   | 4652        |
| 18. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                  | 4390        |
| 19. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                         | 4661        |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                           | 3312        |

|     |                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                    | 4651 |
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                    | 4662 |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                | 4663 |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                      | 4669 |
| 25. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                | 3320 |
| 26. | Phá dỡ                                                                                                 | 4311 |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                      | 4312 |
| 28. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                         | 4330 |
| 29. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                      | 3900 |
| 30. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                            | 2790 |
| 31. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                              | 2750 |
| 32. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                               | 3821 |
| 33. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                         | 2710 |
| 34. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                    | 2731 |
| 35. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                      | 2740 |
| 36. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                    | 7110 |
| 37. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                      | 3600 |
| 38. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                        | 6209 |
| 39. | Lập trình máy vi tính                                                                                  | 6201 |
| 40. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                    | 6202 |
| 41. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                     | 4649 |
| 42. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                        | 0810 |
| 43. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |
| 44. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                              | 2620 |
| 45. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                              | 9511 |
| 46. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                             | 9512 |
| 47. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                 | 3319 |
| 48. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện               | 1629 |
| 49. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                 | 2821 |
| 50. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                          | 3100 |
| 51. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                               | 7320 |
| 52. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                       | 4932 |
| 53. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                 | 7710 |
| 54. | Quảng cáo                                                                                              | 7310 |
| 55. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                     | 2640 |
| 56. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                           | 2592 |

|     |                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 57. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí               | 4322 |
| 58. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                           | 4730 |
| 59. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                          | 4299 |
| 60. | Xây dựng nhà để ở                                                                   | 4101 |
| 61. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                         | 5210 |
| 62. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                      | 4933 |
| 63. | Xây dựng nhà không để ở                                                             | 4102 |
| 64. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển      | 7730 |
| 65. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | 4931 |
| 66. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                   | 2395 |
| 67. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                | 0118 |
| 68. | Giáo dục nhà trẻ                                                                    | 8511 |
| 69. | Giáo dục mẫu giáo                                                                   | 8512 |
| 70. | Giáo dục tiểu học                                                                   | 8521 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.900.000.000 VNĐ

*Bốn tỷ chín trăm ngàn đồng*

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRỊNH QUỐC HUY   | TDP Đông Ngạc 3, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 3.185      | 3.185.000.000         | 65,000    | 013365462                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 3.185      | 3.185.000.000         | 65,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN MẠNH DŨNG | Thôn 3, Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 490        | 490.000.000           | 10,000    | 001083001890                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 490        | 490.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                |                                    |       |               |        |                  |
|---|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|---------------|--------|------------------|
| 3 | PHẠM THỊ<br>ĐOÀN | TDP Đông Ngạc<br>3, Phường Đông<br>Ngạc, Quận Bắc<br>Từ Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.225 | 1.225.000.000 | 25,000 | 0361830000<br>73 |
|   |                  |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                | Tổng số                            | 1.225 | 1.225.000.000 | 25,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRỊNH QUỐC HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/07/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013365462

Ngày cấp: 04/11/2010

Nơi cấp: Công an TP. Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP Đông Ngạc 3, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: TDP Đông Ngạc 3, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội